

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025
CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT VIỄN THÔNG - CƠ SỞ PHÍA BẮC
(Kèm theo Quyết định số ~~1056~~ /QĐ-HV ngày ~~20~~ tháng ~~6~~ năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2025)

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					BS kiến thức	Ưu tiên	ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN		
					Trường cấp bằng	Hình thức DT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp			Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Lý thuyết mạch	Xử lý tín hiệu số	Lý thuyết truyền tin/ Lý thuyết thông tin	Môn khác tương đương	Kỹ thuật mạng truyền thông	Kỹ thuật thông tin vô tuyến	Kỹ thuật thông tin quang	Môn khác tương đương			
1	Trình Duy	Anh	Nam	09/10/2002	ĐH Công nghệ Giao thông vận tải	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử viễn thông	2024	Khá			6.0 IELTS	British Council	21/10/2024	7.8							6.8			14.6
2	Đào Tiến	Dũng	Nam	21/02/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2024	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2024		7.9			7.8						15.7
3	Nguyễn Khắc	Dương	Nam	19/10/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2024	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2024	8.4						8.0				16.4
4	Trần Văn	Dương	Nam	17/03/1990	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Điện- Điện tử	2014	TB.Khá	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025				7.0				7.1			14.1
5	Phạm Vũ	Duyệt	Nam	13/10/1992	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	CQ	Kỹ thuật điện (Tự động hoá)	2016	Trung bình	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025	5.2							8.0			13.2
6	Phí Chí	Hiển	Nam	13/11/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Kỹ thuật điện tử viễn thông	2024	Trung bình				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2024		7.4						6.9			14.3
7	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	05/11/1982	Học viện CNBCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2007	TB.Khá			Bậc 3	Đại học Hà Nội	25/03/2024				7.0				6.0			13.0
8	Hoàng Thành	Long	Nam	19/03/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Kỹ thuật điện tử viễn thông	2025	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025		8.3						9.1			17.4
9	Nguyễn Đức	Quỳnh	Nam	23/08/1984	ĐH Công nghệ-ĐH Quốc Gia HN	CQ	Công nghệ Điện tử viễn thông	2006	TB.Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025	8.0							8.2			16.2
10	Đoàn Đức	Thắng	Nam	08/05/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2025	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025				8.5				7.9			16.4
11	Nguyễn Xuân	Thiện	Nam	22/02/1980	Học viện CNBCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2003	TB.Khá			Bậc 3	Đại học Hà Nội	26/10/2024				8.0				10.0			18.0
12	Lê Đào Chung	Thương	Nữ	19/02/1985	Học viện CNBCVT	LTCQ	Điện tử viễn thông	2008	Xuất sắc			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025	10.0							9.0			19.0
13	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	25/08/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Kỹ thuật điện tử viễn thông	2025	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025	5.5					7.5					13.0
14	Nguyễn Hữu	Tùng	Nam	02/07/1997	Học viện CNBCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2020	Khá			Bậc 3	Đại học Ngoại thương	20/05/2025		8.9						6.6			15.5

Danh sách gồm: 14 thí sinh

Danh sách gồm: 14 thí sinh

Người lập biểu

Đinh Thị Bích Hạnh



Alhuc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025
CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ - CƠ SỞ PHÍA BẮC
 (Kèm theo Quyết định số ~~108~~ /QĐ-HV ngày ~~20~~ tháng ~~6~~ năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2025)

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					BS kiến thức	Ưu tiên	ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN	
					Trường cấp bằng	Hình thức DT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp			Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Lý thuyết mạch	Xử lý tín hiệu số	Điện tử số	Môn khác tương đương	Xử lý tiếng nói	Hệ thống nhúng	Thiết kế logic số	Môn khác tương đương		
1	Nguyễn Thái	Hiền	Nam	09/11/2000	Học viện CNBCVT	CQ	Kỹ thuật Điện-Điện tử	2024	Khá			B2 Aptis ESOL	British Council	02/08/2023	7.5					7.0				14.5
2	Phạm Anh	Huy	Nam	12/10/1989	Học viện CNBCVT	CQ	Kỹ thuật Điện-Điện tử	2012	TB.Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025	7.0					9.0				16.0
3	Nguyễn Văn	Huyền	Nam	21/11/1998	Học viện CNBCVT	CQ	Kỹ thuật Điện-Điện tử	2021	Giỏi			B2 Aptis ESOL	British Council	05/04/2025			8.1				8.7			16.8
4	Nguyễn Tiến	Long	Nam	30/09/2000	Học viện Kỹ thuật quân sự	CQ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	2023	Khá	x		B2 Aptis ESOL	British Council	13/05/2025	5.9					6.5				12.4
5	Cao Văn	Mạnh	Nam	04/05/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	2024	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2024	7.0					8.2				15.2
6	Đào Quang	Nhật	Nam	16/10/1999	Đại học Bách khoa Hà Nội	CQ	Kỹ thuật cơ điện tử	2023	Khá	x		IELTS 6.5	IDP Việt Nam	20/11/2024			7.6				6.6			14.2
7	Hoàng Việt	Trung	Nam	19/05/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Kỹ thuật Điện-Điện tử	2024	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2024		8.4					9.8			18.2

Danh sách gồm: 07 thí sinh

Người lập biểu

Đinh Thị Bích Hạnh



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025
CHUYÊN NGÀNH: HỆ THỐNG THÔNG TIN - CƠ SỞ PHÍA BẮC
(Kèm theo Quyết định số **104** /QĐ-HV ngày **20** tháng **6** năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2025)

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					BS kiến thức	Ưu tiên	ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp			Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Môn khác tương đương	
1	Lê Trung	Anh	Nam	01/09/1999	ĐH Công nghệ Giao thông vận tải	CQ	Hệ thống thông tin	2023	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		7.5					6.5		14.0
2	Trần Thị Lan	Anh	Nữ	14/04/2002	ĐH Công nghệ Giao thông vận tải	CQ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	2024	Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	26/03/2025		8.2			6.0				14.2
3	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	18/10/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ đa phương tiện	2024	Khá	x			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2024		6.4			5.8				12.2
4	Hoàng Thị Thanh	Bình	Nữ	24/08/2002	Đại học Điện lực	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá			IELTS 5.5	British Council	10/10/2024	8.0				7.0				15.0
5	Đình Hoà	Bình	Nam	12/10/1985	ĐH Công nghệ thông tin, ĐH Quốc gia Tp.HCM	Từ xa	Công nghệ thông tin	2010	TB.Khả			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		6.0			7.0				13.0
6	Phạm Văn	Công	Nam	10/10/1995	Học viện Kỹ thuật quân sự	CQ	Công nghệ thông tin	2018	Giỏi			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		7.7			9.1				16.8
7	Thạch Tuấn	Cường	Nam	01/11/1998	Học viện CNBCVT	CQ	An toàn thông tin	2022	Khá			Bậc 4 tiếng Anh	Đại học Hà Nội	23/05/2025			8.0				7.30		15.3
8	Trần Huy Bách	Đại	Nam	20/01/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Hệ thống thông tin	2025	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025	8.3						6.90		15.2
9	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	11/08/1997	Đại học Thủy Lợi	CQ	Công nghệ thông tin	2020	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		6.7				9.2			15.9
10	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	19/11/2001	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	TB.Khả			B1 Aptis ESOL	British Council	16/04/2025	5.9				5.5				11.4
11	Bùi Anh	Đỗ	Nam	26/02/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Hệ thống thông tin	2025	Trung bình				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025	7.0					8.0			15.0
12	Trần Anh	Đức	Nam	24/06/2001	Học viện CNBCVT	CQ	An toàn thông tin	2024	Xuất sắc				Sinh viên Học viện CBCVT	Tốt nghiệp 2024	9.2					8.9			18.1
13	Đặng Hoàng	Đức	Nam	20/05/2000	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Trung bình			TOEIC 4 kỹ năng	ETS	05/2025		8.3				6.7			15.0
14	Đình Tiến	Dũng	Nam	05/09/1999	ĐH Công nghệ Giao thông vận tải	CQ	Truyền thông và mạng máy tính	2023	TB			B2 Aptis ESOL	British Council	26/03/2025	7.5					6.4			13.9
15	Nguyễn Văn	Duy	Nam	19/04/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ đa phương tiện	2024	Trung bình	x			Sinh viên Học viện CBCVT	Tốt nghiệp 2024	6.0				6.2				12.2
16	Lê Minh	Giang	Nam	29/04/1997	Đại học Bách khoa Hà Nội	CQ	Kỹ thuật điện tử viễn thông	2020	Khá	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025	7.0				8.1				15.1
17	Nguyễn Thị Bích	Hà	Nữ	03/05/1980	Học viện Kỹ thuật quân sự	CQ	Tin học	2007	Trung bình			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		8.0				5.0			13.0
18	Đình Quang	Hiền	Nam	11/04/1995	Học viện CNBCVT	CQ	KT Điện tử truyền thông	2018	Trung bình	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025	7.0				7.3				14.3
19	Phạm Huy	Hiền	Nam	26/10/1985	ĐH Kỹ thuật Điện QG Saint-Peterburg, Nga	CQ	Tin học và công nghệ tính toán	2010				Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		5.5			6.8				12.3



Handwritten signature

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					BS kiến thức	Ưu tiên	ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN	
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp			Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Môn khác tương đương		
20	Đỗ Minh	Hiếu	Nam	27/11/2001	Đại học Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá				Chương trình ĐH dạy bằng TA			7.2			6.4					13.6
21	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	24/11/1999	ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin - Truyền thông	2022	TB.Khá				Chương trình ĐH dạy bằng TA			7.5			6.5					14.0
22	Đoàn Anh	Hiếu	Nam	08/07/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2024			8.8		7.2				16.0	
23	Nguyễn Dạ Mỹ	Hoa	Nữ	22/12/2001	Trường Quốc tế-ĐH Quốc gia Hà Nội	CQ	Hệ thống thông tin quản lý	2023	Khá	x			Chương trình ĐH dạy bằng TA		8.2					6.9			15.1	
24	Lê	Hoàng	Nam	07/09/1986	Đại học Công nghệ - ĐH Quốc Gia Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2010	TB.Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025			6.0		6.0				12.0	
25	Nguyễn Việt	Hoàng	Nam	03/10/2001	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá				Chương trình ĐH sử dụng TA là ngôn ngữ chính		7.5				6.4				13.9	
26	Hoàng Đức	Hùng	Nam	06/06/2000	Đại học FPT Hà Nội	CQ	Kỹ thuật phần mềm	2023	TB.Khá				Chương trình ĐH sử dụng TA là ngôn ngữ chính			5.8			5.0				10.8	
27	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	27/11/1998	Học viện Kỹ thuật quân sự	CQ	Hệ thống thông tin	2021	Khá			TOEIC 4 kỹ năng	ETS	04/2025		6.9				8.5			15.4	
28	Đồng Quốc	Huy	Nam	22/10/1997	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2020	Trung bình			B1 Aptis ESOL	British Council	21/04/2025		6.4			7.1				13.5	
29	Đoàn Quang	Huy	Nam	12/04/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025		8.5				6.8			15.3	
30	Nguyễn Đình	Khá	Nam	23/08/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Hệ thống thông tin	2025	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025		8.5				7.6			16.1	
31	Lê Đăng	Khoa	Nam	20/09/2000	Đại học Bách khoa Hà Nội	CQ	Kỹ thuật điện tử viễn thông	2024	Khá	x		Bậc 4 tiếng Anh	Đại học Hà Nội	10/01/2025	8.9				7.9				16.8	
32	Nguyễn Duy	Khuông	Nam	28/04/2001	Đại học Đại Nam	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		7.5			8.0				15.5	
33	Nguyễn Mạnh	Kỳ	Nam	03/07/1991	ĐH Khoa học tự nhiên -ĐH Quốc gia Hà Nội	CQ	Toán tin ứng dụng	2013	Trung bình	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025	6.4				7.3				13.7	
34	Vũ Thị	Lan	Nữ	25/11/2001	Đại học Thủy Lợi	CQ	Kỹ thuật phần mềm	2024	TB.Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	28/04/2025	8.0					6.0			14.0	
35	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	04/09/2000	Đại học Giao thông vận tải	CQ	KT Điều khiển và tự động hoá	2023	Giỏi	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025	7.0				8.1				15.1	
36	Dương Văn	Long	Nam	19/11/2000	ĐH Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp	CQ	Công nghệ thông tin	2022	Giỏi			B2 Aptis ESOL	British Council	07/05/2025		8.2			8.2				16.4	
37	Đỗ Hoàng	Long	Nam	19/10/2000	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Trung bình			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025			6.4			7.1			13.5	
38	Bùi Thảo	Ly	Nữ	27/02/2000	ĐH Mỏ - Địa chất	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	29/03/2025	8.5				7.0				15.5	
39	Đỗ Thị Ngọc	Mai	Nữ	23/07/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025			7.5		8.5				16.0	
40	Trần Ngọc	Minh	Nữ	17/08/2000	ĐH Mỏ - Địa chất	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Khá		2	B2 Aptis ESOL	British Council	29/03/2025	6.7				7.4				14.1	

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					BS kiến thức	Ưu tiên	ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp			Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Môn khác tương đương	
41	Phạm Quang	Minh	Nam	15/12/2002	ĐH Công nghệ Giao thông vận tải	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		9.5			8.2				17.7
42	Đoàn Văn	Nam	Nam	23/10/1993	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2020	TB. Khá			B2 Aptis ESOL	British Council	02/06/2025		8.0			9.0				17.0
43	Nguyễn Khánh	Nam	Nam	29/03/1999	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin và truyền thông	2020	TB. Khá			Bậc 4 tiếng Anh	Đại học Ngoại ngữ, ĐH Quốc Gia HN	05/03/2025		7.5			5.5				13.0
44	Phan Thị	Nguyệt	Nữ	11/10/1990	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2013	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		9.0			8.0				17.0
45	Phạm Hồng	Nhung	Nữ	25/01/1997	Học viện CNBCVT	CQ	CNKT Điện-Điện tử	2020	Khá	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025	4.5					8.1			12.6
46	Trần Quang	Ninh	Nam	17/12/1997	ĐH Tài nguyên và môi trường	CQ	Công nghệ thông tin	2019	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025	7.0					7.6			14.6
47	Dương Thị Thu	Phuong	Nữ	17/08/1989	Đại học Kinh tế quốc dân	CQ	Hệ thống thông tin kinh tế	2011	Khá	x		B1 Aptis ESOL	British Council	03/06/2025	8.3						8.6		16.9
48	Nguyễn Mạnh	Quân	Nam	17/07/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025	9.7				8.7				18.4
49	Nguyễn Hồng	Sơn	Nam	13/04/1999	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2022	Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	29/04/2025			7.8		5.2				13.0
50	Đỗ Tuấn	Sơn	Nam	02/06/1999	Học viện CNBCVT	CQ	An toàn thông tin	2023	Trung bình				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 10/2023		6.1			7.3				13.4
51	Bùi Đăng	Tân	Nam	19/02/1987	Học viện Kỹ thuật mật mã	CQ	Công nghệ thông tin	2011	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		7.0				8.0			15.0
52	Phạm Hồng	Thái	Nam	19/07/2000	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	05/05/2025			6.3			7.2			13.5
53	Phan Tiến	Thành	Nam	25/10/1998	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2021	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		8.2			6.0				14.2
54	Bùi Thị Phương	Thảo	Nữ	30/09/1999	ĐH Công nghiệp Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2021	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		7.8			7.8				15.6
55	Vũ Thanh	Thiên	Nam	04/12/2003	Đại học Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá				Chương trình đại học học bằng tiếng Anh		6.3				6.2				12.5
56	Vũ Minh	Toàn	Nam	14/07/1996	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Trung bình				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2024		7.5			6.3				13.8
57	Nguyễn Văn	Trong	Nam	06/04/1990	Học viện CNBCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2013	Khá	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025	7.0					6.8			13.8
58	Phạm Công	Trường	Nam	17/11/2001	Học viện CNBCVT	CQ	An toàn thông tin	2024	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2024		10.0			8.5				18.5
59	Vũ Anh	Tuấn	Nam	17/06/2001	Đại học Xây dựng Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá			IELTS 5.5	IDP Việt Nam	26/07/2023			6.7		9.2				15.9
60	Trịnh Minh	Tuấn	Nam	27/01/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025		9.7			8.4				18.1
61	Hoàng Anh	Tuấn	Nam	14/03/1997	Học viện Kỹ thuật mật mã	CQ	An toàn thông tin	2022	Trung bình			B1 Aptis ESOL	British Council	03/03/2025		6.3			5.4				11.7

Handwritten signature

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					BS kiến thức	Ưu tiên	ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp			Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Môn khác tương đương	
62	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	05/01/1999	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ đa phương tiện	2025	Khá	x			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025		6.2					6.9		13.1
63	Võ Hữu	Tuấn	Nam	19/03/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025			9.2				6.6		15.8
64	Phạm Văn	Tùng	Nam	13/10/1986	Học viện Kỹ thuật quân sự	LTCQ	Công nghệ thông tin	2013	TB.Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		7.0				5.0			12.0
65	Trương Thanh	Tùng	Nam	27/01/2000	Đại học Khoa học tự nhiên	CQ	Máy tính và khoa học thông tin	2022	Khá			B2 Aptis ESOL	British Council	20/04/2025	8.7					8.6			17.3
66	Hồ Việt Sơn	Tùng	Nam	16/12/2001	Đại học Đại Nam	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	27/05/2025		8.0				8.5			16.5
67	Đinh Hữu	Tường	Nam	17/09/2000	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	TB				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2024		8.3				5.4			13.7
68	Vũ Đức	Uyên	Nam	10/10/1977	Đại học Bách khoa Hà Nội	CQ	Điện tử viễn thông	2001	Khá	x		Cử nhân tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	17/06/2024	5.0					6.8			11.8
69	Trần Thị Cẩm	Vân	Nữ	01/08/1995	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2018	Trung bình			Bậc 3	Đại học Hà Nội	10/01/2025			8.0			6.9			14.9

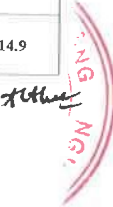
Danh sách gồm: 69 thí sinh

Người lập biên



Đinh Thị Bích Hạnh





DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025
CHUYÊN NGÀNH: KHOA HỌC MÁY TÍNH - CƠ SỞ PHÍA BẮC
(Kèm theo Quyết định số ~~104~~ /QĐ-HV ngày ~~20~~ tháng ~~6~~ năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2025)

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					BS kiến thức	Ưu tiên	ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN (và điểm ưu tiên nếu có)
					Trường cấp bằng	Hình thức DT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp			Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Môn khác tương đương	
1	Đỗ Việt	Anh	Nam	04/10/2003	ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội	CQ	An toàn thông tin	2024	Khá				Ngôn ngữ giảng dạy ĐH bằng tiếng Anh		6.7				7.7				14.4
2	Võ Hoàng	Anh	Nữ	03/11/2002	ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		9.3				8.5			17.8
3	Dương Thị	Bách	Nữ	03/02/1987	Đại học Hà Nội	CQ	Khoa học máy tính	2010	Khá				Chương trình ĐH học bằng tiếng Anh		6.0					8.0			14.0
4	Lê Mạnh	Cường	Nam	18/06/2002	Đại học Mỏ Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	30/04/2025		8.2			7.5				15.7
5	Vũ Duy	Đan	Nam	03/07/2001	Đại học xây dựng Hà Nội	CQ	Khoa học máy tính	2023	Giỏi			B1 Aptis ESOL	British Council	18/03/2025			7.4				9.2		16.6
6	Hứa Sỹ	Đạo	Nam	01/01/2000	Học viện CNBCVT	CQ	Kỹ thuật Điện Điện tử	2023	Giỏi	x		C1 Aptis ESOL	British Council	06/04/2025	4.1				7.5				11.6
7	Lại Thế	Đạt	Nam	22/08/2002	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Giỏi				Chương trình ĐH sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính		8.9				8.0				16.9
8	Đàm Việt	Dũng	Nam	05/12/1999	Đại học Bách khoa Hà Nội	CQ	Kỹ thuật máy tính	2022	Khá	x		Bậc 4 tiếng Anh	Đại học Hà Nội	26/04/2025		7.4			8.9				6.3
9	Hoàng Nhật	Dương	Nam	25/07/2000	ĐH Khoa học tự nhiên ĐH Quốc Gia Hà Nội	CQ	Máy tính và khoa học thông tin	2024	Trung bình			Bậc 4	ĐH Ngoại ngữ, ĐH Quốc Gia Hà Nội	13/06/2023	7.2					7.8			15.0
10	Nguyễn Hoàng	Dương	Nam	25/07/2000	Học viện CNBCVT	CQ	Kỹ thuật Điện Điện tử	2023	Khá	x		B2 Aptis ESOL	British Council	08/04/2025	5.8				7.7				13.5
11	Lê Minh	Duy	Nam	13/10/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Xuất sắc				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025		9.0				8.5			17.5
12	Nguyễn Thị Vân	Hải	Nữ	06/09/1987	Đại học Hà Nội	CQ	Khoa học máy tính	2010	Giỏi				Chương trình đại học học bằng tiếng Anh		5.0				9.0				14.0
13	Đặng Hoàng	Hải	Nam	18/01/2003	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025		9.5				7.6			17.1
14	Phan Đức	Hải	Nam	02/05/1997	Đại học Công nghiệp Hà Nội	CQ	Khoa học máy tính	2024	Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	04/05/2025		7.2					7.8		15.0
15	Chu Văn	Hào	Nam	20/11/1998	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	10/2023	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 10/2023		8.7				6.3			15.0
16	Lê Trung	Hậu	Nam	06/09/1997	Đại học Thủy Lợi	CQ	Công nghệ thông tin	2020	Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	18/03/2024	9.2					8.9			18.1
17	Nguyễn Văn	Hiệp	Nam	29/06/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2024		9.3				9.0			18.3
18	Đào Thanh	Hiệp	Nam	09/09/2001	Đại học xây dựng Hà Nội	CQ	Khoa học máy tính	2023	Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	29/04/2025	7.4						8.2		15.6
19	Từ Khắc	Hiếu	Nam	12/07/1998	Đại học FPT	CQ	Kỹ thuật phần mềm/ C Ngành HTTT	2020	Khá				Chương trình ĐH sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính			7.6			7.2				14.8
20	Phạm Minh	Hiếu	Nam	11/07/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2024		9.2			8.5				17.7

Handwritten signature

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025
CHUYÊN NGÀNH: KHOA HỌC MÁY TÍNH - CƠ SỞ PHÍA BẮC
 (Kèm theo Quyết định số **1036** /QĐ-HV ngày **20** tháng **6** năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2025)

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					BS kiến thức	Ưu tiên	ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN (và điểm ưu tiên nếu có)
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp			Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Môn khác tương đương	
21	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	24/04/2002	Đại học Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá				Chương trình đại học dạy bằng tiếng Anh			8.1					5.9		14.0
22	Trần Quang	Hoàng	Nam	20/10/1996	Học viện CNBCVT	CQ	An toàn thông tin	2022	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		7.2				9.1			16.3
23	Phạm Trần Công	Hoàng	Nam	29/12/2002	Đại học Kiến trúc Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi			Bậc 4 tiếng Anh	Học viện An ninh nhân dân	09/04/2025	7.8					8.0			15.8
24	Nguyễn Thành	Hùng	Nam	10/02/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Xuất sắc				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025	9.2				9.1				18.3
25	Hoàng Thị	Hường	Nữ	12/07/1999	Đại học Kinh tế quốc dân	CQ	Khoa học máy tính	2021	Giỏi			B2 Aptis ESOL	British Council	20/05/2025	7.0				9.0				16.0
26	Trần Quang	Huy	Nam	01/08/1988	Học viện CNBCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2011	Khá	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025	7.0					8.1			15.1
27	Bùi Quốc	Huy	Nam	25/08/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ đa phương tiện	2025	Giỏi	x			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025			9.6			7.4			17.0
28	Trương Thị Khánh	Huyền	Nữ	01/04/2002	Đại học xây dựng Hà Nội	CQ	Khoa học máy tính	2024	Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	29/04/2025			9.2			7.4			16.6
29	Nguyễn Đức	Khoa	Nam	09/04/2000	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Giỏi			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		8.9			8.5				17.4
30	Nguyễn Văn Cao	Kỳ	Nam	03/02/2002	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Giỏi			Bậc 4 Tiếng Anh	Học viện Khoa học Quân sự	24/01/2025	8.6				7.5				16.1
31	Nguyễn Đức	Lâm	Nam	21/07/2001	Đại học Bách khoa Hà Nội	CQ	Khoa học máy tính	2024	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		7.4				7.4			14.8
32	Nguyễn Xuân Trường	Lâm	Nam	17/09/1998	Học viện CNBCVT	CQ	KT Điện tử Viễn thông	2021	Khá	x		B2 Aptis ESOL	British Council	17/02/2025	7.0				8.4				15.4
33	Nguyễn Thanh	Lan	Nữ	01/01/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2024		8.1			7.3				15.4
34	Nguyễn Hoàng	Lân	Nam	06/01/2001	Đại học Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Khá				Chương trình học ĐH bằng tiếng Anh		7.0				8.7				15.7
35	Vương Tuấn	Minh	Nam	02/10/2002	Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		8.8				6.5			15.3
36	Nguyễn Đình	Nam	Nam	24/10/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Xuất sắc				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025		9.0				9.0			18.0
37	Phan Giang	Nam	Nam	25/08/1997	Đại học Mỏ Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2020	Trung bình			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025	7.8				5.9				13.7
38	Lê Thị	Nga	Nữ	25/06/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025			8.7		8.9				17.6
39	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	28/02/2001	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Khá				Chương trình ĐH sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính		7.6				7.1				14.7
40	Lưu Doãn Ngọc	Phương	Nam	30/12/1996	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2019	Giỏi			B2 Aptis ESOL	British Council	26/05/2025		9.1			8.2				17.3

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025
CHUYÊN NGÀNH: KHOA HỌC MÁY TÍNH - CƠ SỞ PHẢI BẮC
(Kèm theo Quyết định số 1036/QĐ-HV ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2025)

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					BS kiến thức	Ưu tiên	ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN (và điểm ưu tiên nếu có)	
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp			Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Môn khác tương đương		
41	Vũ	Son	Nam	30/12/2001	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2023	TB.Khá			TOEIC 4 kỹ năng (Nghe:395, Đọc:395, Nói:120, Viết:140)	ETS	21/09/2021; Nghe, Đọc 13/11/2024; Nói, viết	7.8				5.6					13.4
42	Bùi Công	Son	Nam	28/04/1991	Đại học Công nghiệp Hà Nội	CQ	Kỹ thuật phần mềm	2014	Khá			B2 Aptis ESOL	British Council	26/05/2025	8.5						7.7			16.2
43	Nguyễn Phan Huy	Tân	Nam	01/09/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ KT Điện-Điện tử	2024	Khá	x			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2024	7.0				7.4					14.4
44	Đình Quang	Thái	Nam	05/12/2001	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Giỏi				Chương trình ĐH sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính			8.5			8.4					16.9
45	Trần Quang	Thắng	Nam	03/10/2000	Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	CQ	Điện tử viễn thông	2022	Khá	x		B1 Aptis ESOL	British Council	12/05/2025	7.0				7.4					14.4
46	Lý Văn	Thành	Nam	29/01/1998	Đại học Tân Trào	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá		x	Bậc 3	Đại học Thái Nguyên	29/11/2024			9.0				7.5			17.5
47	Phạm Văn	Thịnh	Nam	27/01/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2025	Giỏi	x			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025	8.2				9.2					17.4
48	Nguyễn Thị Minh	Thu	Nữ	24/08/1997	Đại học Pécs, Hungary		Công nghệ thông tin kinh tế	2021	Khá	x		TOEIC 4 Kỹ năng	ETS	2024 (Nghe, đọc)/ 2025(Nói, viết)		10.0			6.0					16.0
49	Lê Thị	Thúy	Nữ	11/11/1991	Đại học Công nghệ - ĐH Quốc Gia Hà Nội	CQ	Khoa học máy tính	2013	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025	9.4				8.5					17.9
50	Phan Thị	Thúy	Nữ	19/08/1998	Đại học Bách khoa Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2021	Khá			B2 Aptis ESOL	British Council	13/05/2025		8.9			8.2					17.1
51	Lê Nam	Tuấn	Nam	13/05/2002	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá				Chương trình ĐH sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính			8.2			6.8					15.0
52	Trương Anh	Tuấn	Nam	24/09/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Kỹ thuật điện tử viễn thông	2025	Trung bình	x			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025	8.9				7.6					16.5
53	Khổng Mạnh	Tùng	Nam	20/11/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2024	8.4				8.2					16.6
54	Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	03/09/1983	Đại học Kinh tế quốc dân	CQ	Toán thống kê tin học	2005	TB.Khá	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		9.0					8.0			17.0
55	Vương Thị	Uyên	Nữ	10/02/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025		7.2				7.7				14.9
56	Trần Thị Cẩm	Vân	Nữ	01/08/1995	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2018	Trung bình			Bậc 3	Đại học Hà Nội	10/01/2025			8.0			6.9				14.9

Danh sách gồm: 56 thí sinh

Danh sách gồm: 56 thí sinh

Người lập biểu



Đinh Thị Bích Hạnh



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH - CƠ SỞ PHÍA BẮC
 (Kèm theo Quyết định số **1036** /QĐ-HV ngày **20** tháng **6** năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2025)

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					BS kiến thức	Ưu tiên	ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN	Điều kiện về trình độ quản lý
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp			Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế vĩ mô	Toán kinh tế	Môn khác tương đương	Quản trị học	Quản trị chiến lược	Phân tích hoạt động kinh doanh	Môn khác tương đương		
1	Trần Văn	Độ	Nam	02/01/1998	Học viện CNBCVT	CQ	QTKD	10/2023	Trung bình				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 10/2023	5.5				5.4				10.9	
2	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	08/06/2001	Học viện Tài chính	CQ	Tài chính ngân hàng	2023	Giỏi	x		B1 Aptis ESOL	British Council	07/04/2025		8.3			7.9				16.2	
3	Phạm Thị Lệ	Hằng	Nữ	19/11/1991	ĐH Lao động xã hội	CQ	Kế toán	2014	Khá	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		7.0			7.9				14.9	
4	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	03/02/1981	ĐH Dân lập Thăng Long	CQ	Ngành Tiếng Anh (TA doanh nghiệp)	2007	Khá	x		Đại học ngành TA	ĐH DL Thăng Long	2007	6.9				7.0				13.9	Đội DV hành khách-TTĐVTM, Cảng hàng không QT Nội
5	Vũ Mạnh	Hùng	Nam	25/10/1998	Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	CQ	Quản trị kinh doanh	2020	TB.Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		7.7			8.0				15.7	
6	Hồ Công	Huy	Nam	07/01/1987	Đại học Công nghệ Sydney, Australia		Khoa học Kỹ thuật xây dựng	2013		x			Chương trình ĐH học bằng Tiếng Anh			8.0			7.3				15.3	
7	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	Nữ	28/03/1990	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	CQ	Tài chính ngân hàng	2013	Khá	x		Cử nhân NN Anh	Đại học Hà Nội	24/01/2024		8.0			7.5				15.5	
8	Nguyễn Quang	Khái	Nam	11/11/1989	Học viện CNBCVT	Từ xa	QTKD	2024	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025			6.7		7.4				14.1	
9	Trần Diệu	Linh	Nữ	30/08/1977	Đại học Kinh tế Quốc dân	CQ	Kế toán	2006	Trung bình	x		Cử nhân tiếng Anh	Đại học Ngoại ngữ	19/08/1999		6.0			7.6				13.6	
10	Hoàng Hằng	Mỹ	Nữ	15/12/1977	Viện Đại học Mở Hà Nội	CQ	Kế toán	2000	TB.Khá	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		7.0			8.0				15.0	
11	Kiều Thị Hương	Nhân	Nữ	17/12/1982	Đại học Kinh tế - ĐH Quốc Gia Hà Nội	CQ	Kinh tế chính trị	2006	Khá	x		B2 Aptis ESOL	British Council	05/04/2025	7.5				7.3				14.8	Trường phòng Kinh doanh, CTCP TB & CN Xây dựng Key Group
12	Hoàng Ánh	Phương	Nữ	03/04/1997	ĐH Lao động- Xã hội	CQ	QTKD	2019	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025	7.4				7.4				14.8	

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					BS kiến thức	Ưu tiên	ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN	Điều kiện về trình độ quản lý
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp			Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế vĩ mô	Toán kinh tế	Môn khác tương đương	Quản trị học	Quản trị chiến lược	Phân tích hoạt động kinh doanh	Môn khác tương đương		
13	Nguyễn Quỳnh	Phương	Nữ	17/11/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Quản trị kinh doanh	2024	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2024		7.7			8.7				16.4	
14	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	09/11/2002	Học viện CNBCVT	CQ	QTKD	2024	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2024	7.7				7.5				15.2	
15	Nguyễn Mạnh	Tinh	Nam	26/01/1986	Đại học Bách Khoa Hà Nội	CQ	Điều khiển tự động hoá	2009	Khá	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025	8.0				7.4			15.4	Trưởng phòng nhân sự, CTCP Khảo sát thiết kế xây dựng VBC	
16	Hoàng Thị	Tuyết	Nữ	05/02/1998	Đại học Công nghiệp Hà Nội	CQ	Kế toán	2020	Khá	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		7.4			8.0			15.4		
17	Nguyễn Thanh	Vân	Nữ	15/05/1998	Đại học Lao động xã hội	CQ	Quản trị nhân lực	2021	Trung bình			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 2940/QĐ-ĐHTN ngày 10/06/2025		6.7			4.7			11.4		
18	Trần Hải	Yến	Nữ	11/04/1997	ĐH Kinh tế Quốc dân	Từ xa	QTKD	2023	Giỏi			B1 Aptis ESOL	British Council	20/06/2023		9.0			6.9			15.9		

Danh sách gồm: 18 thí sinh

Danh sách gồm: 18 thí sinh

Người lập biểu

[Signature]

Đinh Thị Bích Hạnh



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025
CHUYÊN NGÀNH: HỆ THỐNG THÔNG TIN - CƠ SỞ PHÍA NAM
(Kèm theo Quyết định số **1056** /QĐ-HV ngày **20** tháng **6** năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2025)

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					BS kiến thức	Ưu tiên	ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp			Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cần trúc dữ liệu và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Môn khác tương đương	
1	Huỳnh Gia	Bảo	Nam	19/11/2002	Trường Đại học Sài Gòn	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá			6.0 IELTS	IDP Việt Nam	24/08/2023	7.8				7.5				15.3
2	Nguyễn Hữu	Dũng	Nam	04/07/2002	Học viện Công Nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025			9.6			9.3			18.9
3	Ngô Quang	Duy	Nam	11/08/1997	Học viện Hàng không Việt Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	2019	Khá	x (Đợt 1.2024)		Bậc 3 tiếng Anh	Trường Đại học Văn Lang	19/05/2025	9.6				6.6				16.2
4	Trần Thiện	Nhân	Nam	16/04/2002	Học viện Công Nghệ BCVT	CQ	An toàn thông tin	2025	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025	8.5					7.9			16.4
5	Trương Bửu	Nhóm	Nam	09/05/1983	Đại học văn Hiến	CQ	Công nghệ thông tin	2013	Trung bình khá			Bằng cử nhân Ngôn ngữ Anh	Trường ĐH Công nghệ TP.HCM	11/04/2025		5.0			7.0				12.0
6	Dương Công	Sáng	Nam	13/04/2000	Học viện Công Nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	08/2023	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp tháng 8/2023	7.0						6.8		13.8
7	Phạm Đức	Thắng	Nam	25/06/2002	Học viện Công Nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025			9.7				8.1		17.8
8	Hà Xuân	Thanh	Nam	16/06/2002	Học viện Công Nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025			9.0			10.0			19.0
9	Nguyễn Thị Phúc	Thị	Nữ	04/02/2001	Học viện Công Nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2024		9.0				10.0			19.0
10	Nguyễn Ngọc	Thiện	Nam	18/06/1995	Đại học Quốc tế - ĐHQG TP.HCM	CQ	Công nghệ thông tin	2019	Trung bình khá				Chương trình đào tạo Đại học bằng tiếng Anh		8.9					6.7			15.6

Danh sách gồm: 10 thí sinh

Người lập biểu



Đinh Thị Bích Hạnh

